

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 82/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 09-10-2019

V/v tranh chấp “Yêu cầu không công nhận
vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hán Văn Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Chính;
Bà Nguyễn Thị Hoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tham gia phiên tòa:
Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972.

Trú tại: thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1971.

Trú tại: thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993, nhưng không kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân thường xuyên uống rượu và có quan hệ bất chính bên ngoài nên bà không tha thứ cho hành động của ông C, giữa bà và ông C không còn chung sống với nhau nữa là 02 năm rồi và hiện nay ông C đang có người khác, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận giữa bà và ông C không phải là quan hệ vợ chồng..

Về con chung: Có 02 người con tên: Trần Văn Tr, sinh năm 1993 và Trần Thị Kim Th, sinh năm 1998. Hai con đã trưởng thành lao động tự túc được bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong biên bản lời khai và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1993, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân hai bên chung sống không tin tưởng nhau, không chia sẻ với nhau về mọi mặt trong đời sống hôn nhân, hai bên đã sống ly thân nhau gần 02 năm nay, không còn quan tâm đến với nhau nữa, nên ông đồng ý với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà T.

Về con chung: Có 02 người đã trên 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự túc được, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát vụ án cũng như tại phiên tòa nhận thấy: Thủ tục tố tụng Tòa án làm đầy đủ đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc bà yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà và ông Trần Văn C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: “Yêu cầu không công nhận vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Nội dung pháp luật áp dụng: Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay hai bên nguyên đơn, bị đơn đều có mặt, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Trần Văn C; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông C đều thừa nhận tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không kết hôn. Cả hai đều thừa nhận mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã và cả hai đều xác nhận đã sống ly thân hơn 02 năm nay, cả hai không còn tình cảm với nhau nữa. Xét mâu thuẫn của bà T và ông C thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình không đạt được, vì vậy bà T yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà với ông C là hoàn toàn có cơ sở.

[5]. Tại bản trình bày lời khai của bà T và ông C xác định giữa bà và ông C có mâu thuẫn là hoàn toàn sự thật, cả hai không mong muốn quay về đoàn tụ, cả hai cũng không có thiện chí hàn gắn để hai bên tiếp tục chung sống, vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà T về việc không công nhận giữa bà và ông C là vợ chồng là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Xét về con chung: Hai bên đều trình bày có 02 người đã trên 18 tuổi, trưởng thành và lao động tự túc được, nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa hôm nay về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án.

[9]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 06 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 06 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn C là quan hệ vợ chồng.

[2]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ bà Tình đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0019206, ngày 27/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên, bị đơn. Báo cho nguyên, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hán Văn Nhuận

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Minh

Lê Quang Chính

Hán Văn Nhuận